

KẾ HOẠCH

Nâng cao chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Khánh Hòa năm 2026 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030; Kế hoạch số 1267/KH-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025-2030; Quyết định số 246-QĐ/TU ngày 30/01/2026 của Tỉnh ủy về việc giao nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột phá năm 2026,

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1614/TTr-SKHCN ngày 26/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI) tỉnh Khánh Hòa năm 2026 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phấn đấu Chỉ số DTI của tỉnh năm 2026 nằm trong nhóm Top 13 (tăng 3 bậc so với năm trước) và tăng dần (ít nhất 1-2 bậc) theo từng năm, bảo đảm đến năm 2030 nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số (DTI), theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030 đề ra.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo điều hành của chính quyền, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác chuyển đổi số, đặc biệt là việc nghiên cứu, xác định các tiêu chí, các nhiệm vụ trọng tâm thuộc về thể mạnh, ưu tiên của tỉnh, để từ đó tập trung nguồn lực, đẩy mạnh triển khai, tạo điểm nhấn chủ đạo trong hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế và triển khai các giải pháp bứt phá nhằm nâng cao các chỉ số chính, chỉ số thành phần có số điểm thấp; khắc phục và nâng cao các điểm tối đa của các nhóm chỉ số về nhận thức, thể chế; từng bước, hàng năm phải khắc phục và tăng dần điểm các nhóm hạ tầng số, nhân lực số, an toàn thông tin, hoạt động chính quyền số, hoạt động xã hội số.

- Năm 2026 phấn đấu DTI đạt $\geq 890/1000$ điểm và có ít nhất 04/08 chỉ số chính nằm trong nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu toàn quốc. Riêng đối với Nhóm chỉ số An toàn thông tin mạng, cập nhật giá trị đạt 0.8456 (xếp hạng 14/34 năm 2024), phấn đấu điểm dự kiến năm 2025 là 90/100 và điểm cải thiện năm 2026 đạt 95/100.

- Ban hành các chính sách để tăng cường hoạt động kinh tế số, số lượng doanh nghiệp công nghệ số. Tiếp tục duy trì và khắc phục các chỉ số chính đạt điểm và gần đạt điểm tối đa. Khắc phục việc để bị mất điểm do cung cấp thông tin chưa đầy đủ cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách theo dõi, đánh giá các chỉ số chính/chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ số thành phần thuộc phạm vi phụ trách (*theo Quyết định số 405/QĐ-BKHCN, ngày 03/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”*).

- Các sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến chuyển đổi số; bố trí nguồn lực hợp lý, xác định những công việc cấp bách, thiết yếu để tập trung ưu tiên thực hiện nhằm góp phần nâng cao chỉ số DTI của tỉnh; tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số theo định hướng tại Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy Khánh Hòa về phát triển kinh tế 2 con số giai đoạn 2025 - 2030.

- Triển khai thiết lập bộ chỉ số lên phần mềm để các cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo kết quả theo quý, triển khai tích hợp hệ thống Dashboard DTI theo cấu trúc mới của tỉnh, gắn với kết quả thi đua - khen thưởng. Đánh giá kết quả triển khai các nhóm chỉ số chuyển đổi số, kịp thời nhận diện các điểm nghẽn, đề xuất điều chỉnh giải pháp phù hợp với thực tiễn từng khu vực.

- Việc nâng cao chỉ số DTI hàng năm của Tỉnh cần được triển khai toàn diện, thực chất, gắn với vai trò chủ động của chính quyền các cấp, phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng cơ sở, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số tại địa phương, góp phần cải thiện các chỉ số thành phần trong DTI và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa.

2. Các nhiệm vụ mang tính nền tảng, có ảnh hưởng lớn cần triển khai

- Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình ban hành văn bản quy định cấu trúc hệ thống hạ tầng số của tỉnh Khánh Hòa (Trung tâm dữ liệu: nhà trạm, máy chủ, lưu trữ dữ liệu của tỉnh, hệ thống sao lưu dự phòng, an toàn thông tin).

- Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và trình văn bản quy định về quản trị dữ liệu và chia sẻ dữ liệu tỉnh Khánh Hòa (Văn bản quy định về quản trị dữ liệu trên địa bàn tỉnh để đảm bảo dữ liệu của tỉnh được quản lý có hiệu quả, an toàn; là nguồn dữ liệu sống cho các hệ thống ứng dụng IOC, App Công dân số). Xây dựng và ban hành quy định về loại dữ liệu từ các ngành được thu thập về Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC; xây dựng các tiêu chuẩn kết nối dữ liệu (API) của từng ngành để các hệ thống thông tin có thể tự động đẩy dữ liệu về IOC theo định kỳ (hoặc theo thời gian thực).

- Các nhiệm vụ, dự án cần được triển khai:

+ Nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa (cả 4 loại hạ tầng: Hạ tầng kết nối; Hạ tầng dữ liệu; Hạ tầng vật lý-số; Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số); Kho dữ liệu dùng chung tỉnh.

+ Xây dựng nền tảng số phục vụ quản lý công việc và điều hành (Digital Workspace) tỉnh Khánh Hòa (ứng dụng trên cơ sở xây dựng mới hệ thống quản lý văn bản điều hành, đánh giá hiệu quả công việc KPI trên nền tảng công nghệ mới, quản lý cấp tỉnh, sở, ngành đến 65 xã/phường/đặc khu). Xây dựng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh (App Công dân số).

- Các ngành, lĩnh vực cần vào cuộc chuyển đổi số mạnh mẽ như: ngành Văn hóa, thể thao, du lịch (trọng tâm là du lịch); ngành Nông nghiệp và Môi trường (trọng tâm là đất đai, môi trường); ngành Xây dựng (trọng tâm là xây dựng, Giao thông vận tải và logistics); ngành Y tế (trọng tâm là Y tế thông minh, bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe); ngành Giáo dục và Đào tạo; lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng; lĩnh vực Năng lượng.

3. Các nhiệm vụ cụ thể thực hiện 08 chỉ số thành phần:

3.1. Nhận thức số

- Các sở, ban, ngành, địa phương thành lập Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; trong đó người đứng đầu các cơ quan, địa phương là Trưởng ban chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Trung tâm Công báo và Công thông tin điện tử tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì, cập nhật tin bài thường xuyên trên chuyên trang về chuyển đổi số để phục vụ cho công tác truyền truyền và cung cấp các hoạt động về chuyển đổi số của tỉnh.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng công cuộc chuyển đổi số tại địa phương; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng ví điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ phục vụ đời sống, sản xuất, kinh doanh.

- Đổi mới phương thức điều hành xã hội, thực thi công vụ theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh tế mới; trong đó, phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số là yếu tố trọng tâm.

- Sở Khoa học và Công nghệ lựa chọn một (01) địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân, từ đó phát triển nhân rộng trong toàn tỉnh. Chủ trì xây dựng và triển khai các chính sách để thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp khoa học công nghệ, cộng đồng doanh nghiệp tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm những lĩnh vực Khánh Hòa có lợi thế.

3.2. Thể chế số

- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu đầy đủ, kịp thời các văn bản, nghị quyết, kế hoạch, chương trình chuyên đề hoặc văn bản của cấp ủy về chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đầy đủ, kịp thời các văn bản, kế hoạch, chương trình hành động 5 năm và hằng năm của tỉnh về chuyển đổi số; chủ trì, rà soát cập nhật, ban hành Khung kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số Việt Nam. Tổ chức tập huấn, phổ biến cho các cơ quan, đơn vị, địa phương biết và triển khai thực hiện. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chỉ cho chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm để phổ biến, quán triệt công tác chỉ cho chuyển đổi số theo quy định.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm nâng cao Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

3.3. Hạ tầng số

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ:

- Triển khai thực hiện hoàn thành 100% các mục tiêu về tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng; tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang. Triển khai nâng cấp, hoàn thiện đạt các chỉ tiêu về Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung

- Triển khai đồng bộ mạng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn toàn tỉnh, phát triển mạnh mẽ mạng di động 5G, nâng cấp mạng di động 4G; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động thông minh; đầu tư mua sắm thay thế, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động các cơ quan đảng và chính quyền các cấp.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đồng bộ; xây dựng và hoàn thiện bản đồ số phục vụ đa ngành có khả năng tùy biến cao, gắn với công nghệ điện toán đám mây (Cloud); đẩy nhanh ứng dụng công nghệ số và các thành tựu khoa học công nghệ khác vào xây dựng nền tảng số, tạo tiền đề phát triển đô thị thông minh.

3.4. Nhân lực số

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Rà soát tổng thể, thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp, đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số. Phổ cập việc học và kiểm tra trực tuyến. Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập.

- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh: Thực hiện đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng linh hoạt, thích ứng với môi trường công nghệ. Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng số và ngoại ngữ.

- Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ: Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính: đề xuất giải pháp phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo theo nhu cầu, năng lực cá nhân.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Chỉ đạo triển khai thực hiện mở và phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở của địa phương. Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, bảo đảm số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân đạt tối thiểu 5%; tổ chức đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho tổ công nghệ số cộng đồng, người dân, doanh nghiệp trên nền tảng trực tuyến (MOOCS).

3.5. An toàn thông tin mạng

- Công an tỉnh chủ trì tham mưu công tác chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra, rà soát xây dựng các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng, đề xuất cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin theo quy định. Đảm bảo kết quả và tài liệu minh chứng đạt 100% các tiêu chí: Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn; Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm An toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát An toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung; Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố An toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg.

- Công an tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

- Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh và chủ quản các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên triển khai thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin hằng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

- Các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương, bảo đảm 100% được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng. Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác đảm bảo an toàn thông tin; công tác kiểm tra, đánh giá, diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

3.6. Hoạt động chính quyền số

- Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; tăng cường triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính của tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác quản lý, triển khai kết nối, sử dụng dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); bảo đảm trên 95% tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được đưa vào sử dụng chính thức.

- Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường, quyết liệt, tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm đạt điểm tối đa các chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3.7. Hoạt động kinh tế số

Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm:

- Tăng cường triển khai tổ chức các hội nghị chuyên đề về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; triển khai Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số, Kinh tế số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

- Tổ chức triển khai hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, phấn đấu tăng số lượng tên miền .vn của tỉnh.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào tổ chức quản lý và phương thức hoạt động của nền kinh tế địa phương; trọng tâm là phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ thông minh (AI), tự động hóa và dữ liệu lớn (big data) hình thành và đưa vào khai thác, sử dụng trung tâm công nghệ số tại tỉnh.

- Xây dựng và triển khai các chính sách ưu đãi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tại địa phương để nâng cao năng lực cạnh tranh, kết nối toàn cầu; nghiên cứu hình thành và phát triển các sản phẩm công nghệ số, nội dung số, quảng cáo số,...công nghiệp sáng tạo, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh.

- Xây dựng và phát triển thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, tháo gỡ giới hạn về địa lý trong kết nối thương mại; trong đó, tập trung phát triển mạnh mẽ sàn giao dịch điện tử đảm bảo kết nối cung cầu, nhất là chuỗi giá trị nông sản, du lịch, tiểu thủ công nghiệp trực tuyến.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số đầu tư tại tỉnh; phấn đấu đạt mục tiêu về tỷ trọng kinh tế số trong GRDP, tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân hàng năm và giai đoạn. Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử; đảm bảo chỉ tiêu về tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử toàn tỉnh đạt tối thiểu 80%.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển tại tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng,...

3.8. Hoạt động xã hội số

- Công an tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện thu nhận hồ sơ cấp danh tính điện tử/tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho người dân từ 14 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện; Triển khai tích hợp hệ thống dashboard (bảng điều khiển trực quan) DTI theo cấu trúc mới của tỉnh, gắn với kết quả thi đua - khen thưởng.

- Các sở, ban, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”; đa dạng hóa hình thức tổ chức phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người lao động, người dân trên địa bàn phụ trách, của ngành, lĩnh vực, bảo đảm 100% người dân, người lao động biết và thực hiện được các kỹ năng cơ bản. Xây dựng, số hóa các hạng mục dữ liệu; mức độ khai thác, sử dụng dữ liệu cho người dân; nâng cao mức độ thuận tiện, hiệu quả của dữ liệu do cơ quan nhà nước cung cấp cho người dân.

- Các địa phương tổ chức hướng dẫn, tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng; kiến thức về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng. Tổ chức các giải pháp hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số và kinh doanh số cho người dân; đào tạo kỹ năng về kinh tế số cho người dân trên địa bàn tỉnh.

3.9. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính phủ số với các nước tiên tiến trên thế giới. Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Các tổ chức, doanh nghiệp tình hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

- Doanh nghiệp cần chuyển đổi sang kinh tế số, ít nhất trong quản lý sản xuất và quan hệ khách hàng, có những lĩnh vực kinh tế liên quan đến các công nghệ số nhiều hơn, tiêu biểu là các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường số. Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội chuyển qua các loại mô hình kinh tế có tính đột phá cao, như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ...

3.10. Phát triển nền tảng số

Các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường, triển khai, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn tỉnh; tăng cường ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan:

+ Tham mưu triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số dùng chung của tỉnh do Sở vận hành, quản trị.

+ Kết nối hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia

+ Triển khai hạ tầng điện toán đám mây (Cloud) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của cơ quan nhà nước và xã hội.

+ Xác định một số nền tảng có khả năng triển khai dùng chung trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo cơ quan phụ trách các chỉ số

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số được giao chủ trì, trong đó nêu rõ những đơn vị có liên quan và trách nhiệm phối hợp thực hiện để cải thiện chỉ số thành phần được giao trong Phụ lục của Kế hoạch này.

- Chủ trì tổ chức hoặc phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham gia hướng dẫn các cơ quan phối hợp thực hiện thu thập số liệu, cung cấp văn bản, tài liệu kiểm chứng đối với các chỉ số được giao chủ trì trên phần mềm của tỉnh theo tài khoản được cấp phát.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý) đôn đốc, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan phối hợp trong các chỉ tiêu được giao, kịp thời đề xuất, triển khai các giải pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/01 của năm kế tiếp) thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu (bao gồm các văn bản, tài liệu kiểm chứng phù hợp) liên

quan tới các chỉ số thành phần được giao trên phần mềm của Trung ương theo tài khoản được bàn giao và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ (Riêng Cục Thống kê tỉnh cung cấp các số liệu về dân số, lao động, hộ gia đình và tỷ trọng kinh tế số ngay sau khi Tổng cục Thống kê công bố chính thức theo quy định).

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc giải trình bổ sung kết quả đánh giá các chỉ số thành phần được giao trên phần mềm của Trung ương theo tiến độ của Bộ Khoa học và Công nghệ. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về mục tiêu và các chỉ số chính/chỉ số thành phần được giao chủ trì.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương

- Chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, các chỉ tiêu thuộc phạm vi, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn công tác thu thập số liệu, cung cấp văn bản, tài liệu kiểm chứng đối với các chỉ tiêu được giao.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý), thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu (bao gồm các văn bản, tài liệu kiểm chứng phù hợp) liên quan tới các chỉ số thành phần được giao trên phần mềm của tỉnh theo tài khoản được cấp phát và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan phụ trách các chỉ số trong việc giải trình bổ sung kết quả đánh giá các chỉ tiêu thành phần được giao theo đề nghị. Chịu trách nhiệm về mục tiêu, kết quả thực hiện các chỉ số thành phần được giao phối hợp.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh và Tổ giúp việc của Hội đồng; trong đó cơ quan chủ trì các chỉ số tại Mục 1 tham gia thành viên Tổ giúp việc của Hội đồng.

- Triển khai thiết lập Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh lên Phần mềm Quản lý chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính của tỉnh; tạo lập và cấp phát tài khoản và hướng dẫn sử dụng cho các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để thực hiện cung cấp, đánh giá các chỉ số, chỉ tiêu thành phần liên quan.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc thu thập số liệu, cung cấp văn bản, tài liệu kiểm chứng đối với các chỉ số, chỉ tiêu của Bộ chỉ số trên phần mềm của tỉnh, của Trung ương.

- Thực hiện rà soát kết quả báo cáo, cung cấp số liệu chung các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh; làm đầu mối chung triển khai công tác đánh giá, giải trình bổ sung Bộ chỉ số theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ. Định kỳ hàng năm (trước ngày 30/01 năm sau) báo cáo Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá DTI hàng năm do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố và báo cáo của các đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch này, chủ động tổng hợp báo cáo phân tích, đánh giá chỉ số DTI của tỉnh; tham mưu, đề xuất tổ chức tổng kết, đánh giá, thi đua, khen thưởng liên quan; đồng thời, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

4. Các cơ quan thông tấn, báo chí

Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân; tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số chuyển đổi số./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan ngành dọc;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PT, TH Khánh Hòa;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, NNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ
PHỤ LỤC I
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Thông tin chung			
1	Tên tỉnh, thành phố			
2	Địa chỉ liên hệ chính thức			
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức			
4	Số lượng máy chủ vật lý			
5	Số lượng máy trạm			
6	Số lượng hệ thống thông tin			
7	Số lượng điểm phục vụ bưu chính			
II	Nhận thức số			
1	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Tỉnh, thành phố (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh, thành phố) ký là Trưởng ban Ban chỉ đạo CDS tỉnh	Văn bản		Tham mưu ban hành Quyết định (cập nhật bổ sung)
2	Ban hành các Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số	Văn bản		Thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số
III	Thể chế số			
1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của Tỉnh, thành phố	Văn bản		Ban hành nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp uỷ về chuyển đổi số của Tỉnh, thành phố
2	Kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	Văn bản		Ban hành kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số
3	Kế hoạch hành động hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	Văn bản		Ban hành kế hoạch hành động hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
4	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Văn bản		Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam
5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác cho chuyên đổi số	Hội nghị		Xây dựng kế hoạch hằng năm cho hội nghị, tập huấn phổ biến, quán triệt công tác cho CDS
IV	Hạ tầng số			
1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng thông rộng	Tỷ lệ		Phát triển hạ tầng 4G, 5G (Các doanh nghiệp Viễn thông triển khai)
2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định.	Tỷ lệ		Phát triển hạ tầng cáp quang băng rộng (Các doanh nghiệp Viễn thông hoàn thiện 3 thôn thuộc xã đảo)
3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	Tỷ lệ		- Nâng cao chất lượng băng rộng di động 4G, 5G. - Các DN Viễn thông có chính sách khuyến khích sử dụng 4G, 5G
4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	Tỷ lệ		Tăng cường kết nối Internet băng rộng cáp quang
5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	TTDL		Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu theo hướng Private Cloud
6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Nền tảng số		
7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	Nền tảng số		1. Xác thực định danh bằng khuôn mặt (eKYC) 2. Trợ lý ảo 3. Hệ thống giám sát an ninh trật tự, giao thông (IVA)
V	Nhân lực số			
1	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Tỷ lệ		- Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn - Hệ thống đào tạo trực tuyến
VI	An toàn thông tin mạng			
VII	Hoạt động chính quyền số			
1	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc	Hệ thống		1. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
	gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh, thành phố			2. Nền tảng phân tích dữ liệu (DMP) 3. Nền tảng Xác thực định danh 4. Hệ thống thông tin đất đai 5. Ứng dụng công dân số 6. Trợ lý ảo
VIII	Hoạt động kinh tế số			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Tỷ lệ		- Khu CNCN tập trung - Phát triển CDS trong một số ngành lĩnh vực - Thu thập dữ liệu
2	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Điểm		Triển khai Internet băng rộng đến các điểm bưu chính công cộng
3	Số lượng tên miền .vn	Tên miền		- Dịch vụ cung cấp tên miền - Phối hợp VNNIC triển khai cấp tên miền miễn phí đến các trường học và tặng tên miền cho đăng ký kinh doanh
IX	Hoạt động xã hội số			
1	Tỷ lệ dân số 14 tuổi trở lên có chứng thư số cá nhân.	Tỷ lệ		- Khuyến khích người dân ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân - Phối hợp các DN cung cấp dịch vụ chữ ký số cho người dân
2	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Người		- Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động - Ứng dụng công dân số

PHỤ LỤC II
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO SỞ NỘI VỤ)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Thông tin chung			
1	Số lượng xã và tương đương	Xã		
2	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Thôn, xóm		
3	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc	Cơ quan		
4	Số lượng công chức	Người		
5	Số lượng viên chức	Người		
II	Nhân lực số			
1	Sở, ban, ngành, xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	Người		Tăng số lượng công chức, viên chức kiêm nhiệm và chuyên trách thực hiện nhiệm vụ CDS tại cơ quan, đơn vị
2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	Tỷ lệ		Tăng số lượng công chức viên chức kiêm nhiệm và chuyên trách CDS (Các Sở, ngành và UBND các xã, phường điều phải có cán bộ về CNTT)
3	Số lượng người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	Người		- Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn - Hệ thống đào tạo trực tuyến

PHỤ LỤC III
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO SỞ TÀI CHÍNH)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Thông tin chung			
1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số	Tỷ đồng		
2	Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng		
3	Số lượng doanh nghiệp	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Doanh nghiệp		
II	Thể chế số			
1	Ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Văn bản Kế hoạch của UBND tỉnh		Ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh
III	An toàn thông tin mạng			
1	Kinh phí thường xuyên từ NSNN chi cho ATTT	Tỷ đồng		
2	Kinh phí đầu tư từ NSNN cho ATTT	Tỷ đồng		
IV	Hoạt động chính quyền số			
1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Tỷ đồng		
2	Tổng chi Ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng		
V	Hoạt động kinh tế số			
1	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số / 1000 dân	Doanh nghiệp		- Khuyến khích phát triển các DN cung cấp dịch vụ VT - CNTT - Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nền tảng số
VI	Hoạt động xã hội số			
1	Tổng Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tỷ đồng		
2	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tỷ đồng		

PHỤ LỤC IV
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Nhân lực số			
1	Số lượng cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về các ngành nghề thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ, tư duy dữ liệu, quản trị số	Cơ sở		
2	Tổng số cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học	Cơ sở		
3	Số lượng sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về các ngành nghề thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ, tư duy dữ liệu, quản trị số	Người		
4	Tổng số sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học	Người		
5	Số lượng các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn	Cơ sở		
6	Tổng số các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn	Cơ sở		

PHỤ LỤC V
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO SỞ CÔNG THƯƠNG)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số/chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ và giải pháp
I	Kinh tế số			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Tỷ lệ		Sàn thương mại điện tử
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng Hợp đồng điện tử trên địa bàn	Người		1. Nền tảng quản trị doanh nghiệp 2. Hóa đơn điện tử 3. Sàn thương mại điện tử 4. Thuế điện tử 5. Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản 6. Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch 7. Hợp đồng điện tử

PHỤ LỤC VI
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO VĂN PHÒNG UBND TỈNH)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Nhận thức			
1	Cổng Thông tin điện tử của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số hoặc có chuyên trang cấp tỉnh về CDS	Chuyên mục		- Phát triển chuyên trang CDS trên Cổng Thông tin điện tử của Tỉnh. -Thực hiện cập nhật bổ sung thường xuyên
II	An toàn thông tin			
1	Cổng Thông tin điện tử được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng			Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử đảm bảo tín nhiệm mạng.
2	Cổng Dịch vụ công được cấp chứng nhận tín nhiệm mạng			Nâng cấp Cổng Dịch vụ công đảm bảo tín nhiệm mạng (thuê)
III	Hoạt động chính quyền số			
1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định			Nâng cấp cổng thông tin điện tử
2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định			Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh

PHỤ LỤC VII
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số/chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ và giải pháp
I	Hoạt động kinh tế số			
1	Số lượng doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Doanh nghiệp		
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Tỷ lệ		

PHỤ LỤC VIII
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO THỐNG KÊ KHÁNH HÒA)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số/chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ và giải pháp
I	Thông tin chung			
1	Số lượng dân số	Người		
2	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Người		
3	Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên	Người		
4	Số lượng hộ gia đình	Hộ		
II	Hoạt động kinh tế số			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%		
III	Các chỉ tiêu khác			
1	Giá trị tăng thêm của kinh tế số năm 2026	Tỷ đồng		
3	Giá trị GRDP của địa bàn năm 2026	Tỷ đồng		

PHỤ LỤC IX
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO BÁO và PTTH KHÁNH HÒA)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số/chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ và giải pháp
I	Nhận thức số			
1	Cơ quan báo chí của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chuyên mục		Duy trì cập nhật thường xuyên
2	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chuyên mục		Duy trì cập nhật thường xuyên

PHỤ LỤC XI
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO CÔNG AN TỈNH)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	An toàn thông tin			
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá An toàn thông tin hàng năm	Tỷ lệ		- Xây dựng hoàn thành Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh (SOC) - Kiểm tra, đánh giá, Diễn tập an toàn thông tin mạng
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên được kiểm tra, đánh giá An toàn thông tin hàng năm đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT	Tỷ lệ		- Xây dựng hoàn thành Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh (SOC) - Kiểm tra, đánh giá, Diễn tập an toàn thông tin mạng
3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng được đào tạo về ATTT mạng	Tỷ lệ		Xây dựng kế hoạch đào tạo công chức, viên chức CNTT về ATTT mạng
4	Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố an ninh mạng tỉnh năm 2026	Kế hoạch		
II	Hoạt động xã hội số			
1	Tỷ lệ người dân từ 14 tuổi trở lên và đủ điều kiện có danh tính điện tử sử dụng được cho các giao dịch điện tử.	Tỷ lệ		Nền tảng xác thực và định danh

PHỤ LỤC XII
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026
(MẪU DÀNH CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	Nhận thức số			
1	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Tần suất		Tăng cường phát sóng riêng về chuyên mục CDS.
II	Nhân lực số			
1	Xã có bộ phận/đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị	Người		Bố trí công chức chuyên về CDS
2	Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Người		- Xây dựng kế hoạch đào tạo công chức, viên chức CNTT về ATTT mạng -Nền tảng đào tạo trực tuyến
3	Số lượng thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng trên 100 dân	Tổ		Xây dựng tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, xóm
4	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số	Người		Tỉnh chủ trì triển khai giải pháp phổ cập thống nhất toàn tỉnh có công cụ đo lường; tổ chức đào tạo trực tuyến qua nền tảng tập trung

PHỤ LỤC XIII**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH NĂM 2026****(MẪU DÀNH CHUNG DÀNH CHO CÁC SỞ BAN NGÀNH
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
I	An toàn thông tin			
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn.	Tỷ lệ		Xây dựng và phê duyệt phương án bảo đảm ATTT theo cấp độ
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm An toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Tỷ lệ		Xây dựng HTTT đảm bảo đầy đủ phương án bảo đảm ATTT
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được triển khai giám sát An toàn thông tin và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc	Tỷ lệ		- Triển khai hệ thống SOC cấp tỉnh - 100% Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) - 100% Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) - 100% Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố An toàn thông tin quy định tại Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg			Xây dựng kế hoạch ban hành đầy đủ các phương án hằng năm
II	Hoạt động chính quyền số			
1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình	Tỷ lệ		- Dịch vụ công TT/ Một cửa điện tử/ Số hóa tài liệu, văn bản - Nền tảng thanh toán điện tử - Các ngành tăng cường DVCTT toàn trình theo Bộ, ngành
2	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ		- Dịch vụ công TT/ Một cửa điện tử. - Số hóa tài liệu, văn bản

STT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Số liệu	Nhiệm vụ giải pháp
				- Trợ lý ảo. Ứng dụng công dân số - Nền tảng xác thực định danh. - Tuyên truyền + phổ cập kỹ năng số cho người dân
3	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến	Tỷ lệ		- Dịch vụ công TT/ Một cửa điện tử - Số hóa tài liệu, văn bản - Trợ lý ảo - Ứng dụng công dân số - Nền tảng xác thực định danh - Tuyên truyền + phổ cập kỹ năng số cho người dân
4	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT	Tỷ lệ		- Ứng dụng công dân số - Nền tảng xác thực định danh
5	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT			- Dịch vụ công TT / Một cửa điện tử - Số hóa tài liệu, văn bản - Trợ lý ảo - Ứng dụng công dân số - Thời gian giải quyết đúng hạn